

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Tổng công ty Mía đường II – CTCP

-----00000-----

DỰ THẢO LẦN 4



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG II - CTCP

TP. Hồ Chí Minh, tháng 10/2012

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----00000-----

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG II - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005(Sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp);
- Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Hôm nay, ngày tháng năm 2012, chúng tôi là những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Mía đường II – CTCP đã thảo luận và nhất trí thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Mía đường II – CTCP và cùng cam kết thực hiện những quy định của bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này là cơ sở pháp lý, chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty Mía đường II – CTCP.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Luật Doanh nghiệp:** là Luật Doanh nghiệp năm 2005.
- 2. Tổng công ty:** là Tổng công ty Mía đường II – CTCP.
- 3. Điều lệ:** là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Mía đường II – CTCP.
- 4. Ngày thành lập:** là ngày Tổng công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

5. Công ty khác: là công ty có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc không chi phối của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên.

6. Công ty con: là công ty do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

7. Công ty liên kết: là công ty mà Tổng công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tổng công ty theo tỷ lệ cổ phần, vốn góp, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

8. Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng công ty: là cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số vốn góp, cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó.

9. Quyền chi phối của Tổng công ty: là quyền quyết định hoặc tác động của Tổng công ty đến các công ty con về điều lệ hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy quản lý, thị trường tiêu thụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các vấn đề quan trọng khác được quy định tại điều lệ của công ty con và quy định của pháp luật có liên quan.

10. Đầu tư ra ngoài Tổng công ty: là hoạt động đầu tư vốn của Tổng công ty tham gia vốn điều lệ của các công ty khác và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

11. Người đại diện phần vốn: là người được Hội đồng quản trị cử, ủy quyền làm đại diện, trực tiếp quản lý phần vốn góp, cổ phần của Tổng công ty tại công ty khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên góp vốn hoặc cổ đông.

12. Người quản lý Tổng công ty: là Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của **Tổng** công ty.

13. Người quản lý khác: gồm Trưởng các phòng, ban Tổng công ty, Giám đốc Chi nhánh (đơn vị trực thuộc Tổng công ty), Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ, Trưởng Văn phòng đại diện.

14. Người đại diện theo ủy quyền: là cá nhân được thành viên, cổ đông là tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Tổng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

15. Người được ủy quyền dự họp: là người được cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân) hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chỉ định để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

16. Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng công ty theo quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

17. Pháp luật: là các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện.

1. Tên gọi đầy đủ Tổng công ty: **TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG II – CTCP.**

2. Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:

VIETNAM SUGARCANE AND SUGAR CORPORATION II- JOIN STOCK COMPANY.

3. Tên giao dịch viết tắt: **VINASUGAR II.**

4. Trụ sở chính của Tổng công ty: 54 – 56 đường Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Điện thoại: 08-39 400 653 Fax: 08-38 260 535 ;

6. E-mail: vinasugar2@hcm.vnn.vn ; Website :

7. Ngân hàng giao dịch: Ngân hàng Công thương - Chi nhánh 4, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Biểu tượng: (LOGO)



9. Chi nhánh, văn phòng đại diện: Ngoài các công ty con, công ty liên kết, Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 3. Hình thức doanh nghiệp – Tư cách pháp nhân.

1. Tổng công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty mẹ Tổng công ty Mía đường II - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu – Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông.

Tổng công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật liên quan và Điều lệ này.

2. Tổng công ty có:

- a) Tư cách pháp nhân theo pháp luật;
- b) Điều lệ riêng được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chịu trách nhiệm hữu hạn các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ;
- c) Con dấu riêng và được mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- d) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.
- đ) Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính; tự chịu trách nhiệm kết quả về hoạt động sản xuất kinh doanh;
- e) Bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Mục tiêu, phạm vi hoạt động, ngành nghề kinh doanh.

1. Mục tiêu hoạt động:

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông đầu tư góp vốn vào Tổng công ty và các công ty khác; hoàn thành các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao;

b) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của Tổng công ty và các công ty trong Tổ hợp công ty mẹ Tổng công ty – công ty con:

Tổng công ty tăng cường tích lũy vốn đầu tư và phát triển ngành sản xuất và chế biến mía đường, kết hợp phát triển kinh doanh các ngành, nghề khác nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật;

Các công ty trong Tổ hợp công ty mẹ Tổng công ty – công ty con gắn kết với Tổng công ty thông qua việc được góp vốn đầu tư, thương hiệu và thị trường

nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận của từng thành viên trong Tổ hợp.

2. Phạm vi hoạt động kinh doanh

a) Tổng công ty được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp khác để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

b) Tổng công ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực, ngành nghề khác theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chấp thuận.

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Thứ tự	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành (cấp 4)
a)	• Trồng mía; (Trồng cây mía)	0114
	• Đường, mật các loại từ cây mía; (Sản xuất đường)	1072
	• Cồn, rượu các loại; (Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh)	1101 1103
	• Bia các loại; (Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia)	
	• Bánh các loại; (Sản xuất các loại bánh từ bột)	1071
	• Kẹo các loại; (Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo)	1073
	• CO ₂ , men thực phẩm; (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu)	1079
	• Nước giải khát; (Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng)	1104
	• Phân vi sinh; (Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ)	2012
	• Ván ép các loại; (Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác)	1621
	• Thức ăn gia súc; (Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản)	1080

b)	• Cung cấp vật tư hàng hóa phục vụ vùng nguyên liệu; (Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu)	4669
c)	• Dịch vụ kỹ thuật mía đường; (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu)	7490
d)	• Tư vấn đầu tư; (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan)	7110
	• Xây lắp và phát triển ngành mía - đường; (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp)	3320
đ)	• Chế tạo các sản phẩm cơ khí và phụ tùng, thiết bị chuyên ngành mía đường; (Sản xuất máy chuyên dụng khác)	2829
e)	Kinh doanh thương mại các sản phẩm: • Ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm; (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống)	4620
	• Máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng thay thế, nguyên nhiên vật liệu. (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp)	4653
g)	• Kinh doanh nhà, khu nghỉ dưỡng; (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê)	6810
	• Cho thuê văn phòng, kho bãi. (Kho bãi và lưu giữ hàng hóa)	5210

Điều 5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty là **70 năm** kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

1. Tổng công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật;

2. Các cổ đông của Tổng công ty cùng góp vốn, cùng tham gia quản lý, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu mọi rủi ro tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu

trách nhiệm về khoản nợ của Tổng công ty trong phạm vi phần vốn góp của mỗi cổ đông;

3. Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty là Đại hội đồng cổ đông;

4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Tổng công ty giữa hai kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để **thực hiện** giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

5. Điều hành hoạt động hằng ngày của Tổng công ty là Tổng Giám đốc.

Điều 7. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty.

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 8. Quyền của Tổng công ty.

1. Tổng công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Tổng công ty; có quyền mua sắm, đầu tư, chuyển nhượng, thanh lý, chuyển đổi, cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của Tổng công ty, bán phần vốn Tổng công ty đầu tư tại các công ty khác theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tự chủ kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư và kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường;

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài;

4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;

5. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào công ty khác; thuê, mua, bán một phần hoặc toàn bộ vốn tại công ty khác, kể cả đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

6. Được chủ động sử dụng vốn và các quỹ của Tổng công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh;

7. Lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và bù đắp các khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế, thực hiện các nghĩa vụ tài chính, tài sản khác theo quy định, phần lợi nhuận còn lại được **phân chia theo quy định tại Khoản 2, Điều 57 Điều lệ này**;

8. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

9. Từ chối việc thanh tra, kiểm tra không đúng theo quy định của pháp luật; khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

10. Được bảo hộ đối với thương hiệu về sở hữu công nghiệp, tên gọi, biểu tượng thương hiệu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của Tổng công ty.

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán;

3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

6. Thực hiện chế độ thông kê theo quy định của pháp luật về thông kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Điều 10. Vốn điều lệ của Tổng công ty

Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm thành lập Tổng công ty được xác định là 685.000.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi lăm tỉ đồng Việt Nam).

Vốn điều lệ được chia thành 68.500.000 cổ phần (sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn), với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Cơ cấu:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần (CP)	Số tiền (đồng)
Vốn điều lệ	100,00	68.500.000	685.000.000.000
Trong đó:			
- Cổ phần nhà nước	64,00	43.840.000	438.400.000.000
- Cổ phần bán giá ưu đãi cho cán bộ, công nhân viên Tổng công ty	0,524	359.100	3.591.000.000
- Cổ phần bán giá ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược	11,00	7.535.000	75.350.000.000
- Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư khác	24,476	16.765.900	167.659.000.000

Vốn điều lệ được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; trường hợp sử dụng vì mục đích khác thì phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

Việc tăng, giảm vốn điều lệ hoặc phát hành thêm cổ phần của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 11. Cổ phần

1. Toàn bộ cổ phần của Tổng công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ là cổ phần phổ thông.

2. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định **tại Điều 90, 91 Luật Doanh nghiệp**. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này.

3. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác nhau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 12. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành gồm cổ phiếu có ghi danh và cổ phiếu không ghi danh. Cổ phiếu trong tiêu chuẩn bắt buộc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ phiếu của cổ đông là nhà đầu tư chiến lược trong Tổng công ty bắt buộc phải là cổ phiếu ghi danh. Một cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cho một hoặc nhiều cổ phần.

2. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng chỉ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

3. Cổ phiếu có đóng dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu được ghi rõ số lượng, **mệnh giá mỗi cổ phần** và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí **nào khác**.

5. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Tổng công ty.

6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 13. Chào bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần đang sở hữu ở Tổng công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, mức hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần đang sở hữu của họ tại Tổng công ty thì được thực hiện theo Khoản 2 Điều 87 Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2, Điều 86 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Tổng công ty. Sau khi cổ phần được bán, Tổng công ty sẽ phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.

4. Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần, Tổng công ty đăng ký lại vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền bên nhận chuyển nhượng ký. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi danh thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Tổng công ty sẽ phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Việc thừa kế cổ phần của các cổ đông thực hiện theo các luật về Luật Thừa kế và Bộ Luật Dân sự.

Điều 14. Mua lại cổ phần, thu hồi cổ phần

1. Việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông và theo quyết định của Tổng công ty được thực hiện theo Điều 90 và Điều 91 Luật Doanh nghiệp.

2. Thu hồi cổ phần

a) Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty theo quy định.

b) Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

c) Trường hợp các yêu cầu trong thông báo **tại Điểm b** nêu trên không được **phía cổ đông** thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần **cổ đông không thanh toán đủ**.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Tổng công ty trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, tài chính khác theo quy định, thanh toán tiền thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trích lập các quỹ của Tổng công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Tổng công ty và có thể được thanh toán bằng séc, lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng để chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông.

3. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày

trước khi thực hiện trả cổ tức. Nội dung Thông báo đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 93 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

Điều 16. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Khoản 1, Điều 92 Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 15 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tổng công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 17. Cổ đông

Cổ đông là người chủ sở hữu - tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ Luật Dân sự, sở hữu một hay nhiều cổ phần của Tổng công ty, không thuộc các đối tượng được quy định tại Khoản 4, Điều 13 Luật Doanh nghiệp - có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu.

Điều 18. Quyền của cổ đông phổ thông.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức **với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông**;

c) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới Tổng công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, cổ đông được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 90 Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hằng năm **theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam** và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của

Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền yêu cầu Ban kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh; lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông quy định trên, Ban kiểm soát có trách nhiệm trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu.

Trường hợp Ban kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 Điều này có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn theo quy định của Tổng công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty; cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty ban hành; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới các hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

4. Đối với cổ đông phổ thông là nhà đầu tư chiến lược :

a) Thực hiện các cam kết khi tham gia mua cổ phần;

b) Không được chuyển nhượng số cổ phần được mua ưu đãi theo quy định trong vòng năm (05) năm, kể từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận;

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm :

- A. Đại hội đồng cổ đông;
- B. Hội đồng quản trị;
- C. Tổng Giám đốc;
- D. Ban kiểm soát.

A. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- k) Thông qua báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát về báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- l) Quyết định mức thù lao hàng năm của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Tổng công ty;
- m) Thông qua hợp đồng, giao dịch Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết với những người được quy định tại Điều 37 Điều lệ này, với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Điều 22. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

1. Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Là phiên họp đầu tiên do Tổ trưởng Tổ Giúp việc cổ phần hoá Tổng công ty Mía đường II - CTTNHHMTV triệu tập và chủ tọa, tiến hành hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Xác định các thủ tục thành lập Tổng công ty;

b) Kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông;

c) Thảo luận, thông qua Điều lệ, Phương án hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

d) Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

đ) Thông qua tổ chức và bộ máy điều hành Tổng công ty;

e) Mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

g) Các vấn đề khác do Đại hội thảo luận.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên :

Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký doanh nghiệp có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty; báo cáo tài chính hợp nhất Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con đã được kiểm toán;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Tổng công ty;

c) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

d) Mức thù lao hàng năm cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường :

3.1. Đại hội đồng cổ đông bất thường được Hội đồng quản trị triệu tập họp trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn **hai phần ba (2/3)** số thành viên quy định tại Điều lệ;

c) **Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;**

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này trong các trường hợp nêu tại Điểm a, b Khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Tiết c, d Điểm 3.1, Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Tiết a, Điểm 3.2, Khoản 3 này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Tiết b, Điểm 3.2, Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Tiết d, Điểm 3.1, Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình về nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.

đ) . Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Tiết a, b, c Điểm 3.2, Khoản 3 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Khoản 3, Điều 96 Luật Doanh nghiệp thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Các trường hợp khác phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

4. Quy định tại Khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Tổng công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này chậm nhất trước hai mươi bốn giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 24. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho cổ đông thông qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Tổng công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi Fax, thư điện tử thành công hoặc được Bưu điện nơi gửi đóng dấu chuyển đi).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội, Tổng công ty tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký đầy đủ. Người đăng ký dự họp sẽ được Tổng công ty cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch sẽ chủ trì. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay sau khi khai mạc; xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được

bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp cụ thể sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế bầu cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

3. Những vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- b) Thông qua định hướng, chiến lược phát triển Tổng công ty;
- c) Quyết định từng loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e) Quyết định mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Tổng công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty; báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con đã được kiểm toán;
- h) Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con; báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- i) Báo cáo đánh giá công tác quản lý Tổng công ty của Hội đồng quản trị; báo cáo của Ban kiểm soát;
- k) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

7. Tất cả các nội dung, quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ghi vào biên bản họp. Nội dung biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 106 Luật Doanh nghiệp

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của từng cổ đông;

3. Nội dung phiếu lấy ý kiến:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ đã đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến cổ đông đã trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến cổ đông trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định trong phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty.

Nội dung biên bản kiểm phiếu:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến cổ đông đã trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty; phương án phối hợp kinh doanh của các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty; thông qua việc sử dụng quyền chi phối tại các công ty này.

b) Kiến nghị từng loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1, Điều 91 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, xây dựng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính tại quý gần nhất của Tổng công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng

công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 Điều lệ này;

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của công ty khác; phê duyệt quy chế hoạt động của đơn vị trực thuộc phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

m) Quyết định tổng quỹ tiền lương hàng năm của Tổng công ty; quy chế trả lương. Giám sát thực hiện việc trả lương theo quỹ lương được duyệt.

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o) Trình lên Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty, báo cáo tài chính hợp nhất Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con đã được kiểm toán;

p) Trình báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con; báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty.

q) Quyết định chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty;

r) Quyết định những vấn đề quan trọng đối với công ty con có cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty: chỉ đạo người đại diện phần vốn sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết trong việc quyết định phê duyệt điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty con; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, việc điều chỉnh vốn điều lệ, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên công ty con; huy động thêm cổ phần, vốn góp; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử

dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty con; chấp thuận bổ nhiệm giám đốc công ty con.

s) Kiểm tra, giám sát người đại diện theo ủy quyền, người đại diện phần vốn của Tổng công ty ở công ty khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

t) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào công ty khác, việc thu lợi nhuận được chia từ công ty khác. Quyết định tăng, giảm vốn đầu tư vào công ty khác đối với phương án đầu tư vốn thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị quyết định.

u) Thực hiện việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc.

v) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

w) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty;

x) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội thường niên.

3. Thành viên hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi trả khi thực hiện nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, bằng fax hoặc email. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông

qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

7. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm Đại hội đồng cổ đông

Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty là năm (05) người do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có Chủ tịch và một Phó chủ tịch do thành viên Hội đồng quản trị bầu và miễn nhiệm với đa số phiếu bằng thẻ thức bỏ phiếu trực tiếp; giúp việc cho Hội đồng quản trị **có không quá ba (03) chuyên viên.**

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.

4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 32. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một người trong số họ triệu tập họp theo nguyên tắc đa số. Chủ tịch Hội đồng quản trị **có thể** kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp;

- c) Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo khác của Hội đồng quản trị cho các cổ đông họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - g) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị;
 - i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch không làm việc được thì Phó chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và sau đó các thành viên còn lại bầu một người làm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên còn lại theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền. Trường hợp vì lý do nào đó cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch không thể thực hiện nhiệm vụ của họ, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu thành viên khác thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;
- 2. Thỏa mãn một trong các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Cổ đông cá nhân ứng cử vào Hội đồng quản trị phải sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông và số cổ phần sở hữu này không được chuyển nhượng trong suốt thời gian tại chức hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;

b) Cá nhân đại diện cho cổ đông pháp nhân ứng cử vào Hội đồng quản trị phải đại diện ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông và số cổ phần này **cổ đông pháp nhân không được chuyển nhượng trong suốt thời gian tại chức của người đại diện;**

c) Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên đề cử;

Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Có thể họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở địa điểm khác.

2. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Theo đó:

a) **Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp;**

b) **Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điều a, Khoản 2 Điều này không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.**

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Theo đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp ghi cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Tất cả các nội dung, quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị được ghi vào biên bản họp. Nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị được qui định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác của Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức;
- d) Bị truy tố do vi phạm pháp luật;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trong trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty;
- c) Các công ty khác quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Tổng công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp

thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Tổng Giám đốc, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

C- Tổng Giám đốc

Điều 38. Tổng Giám đốc.

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

2. Tổng Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê với nhiệm kỳ năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giúp Tổng Giám đốc có ba (03) phó Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn, bãi nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn của Tổng công ty; phương án huy động vốn, dự án đầu tư; phương án đầu tư, liên doanh, liên kết; đề án cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty, quy chế nội bộ; các giải pháp công nghệ, phát triển thị trường, tiếp thị; phương án điều chỉnh tăng vốn điều lệ, thực hiện theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc đã được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền.

c) Quyết định các dự án đầu tư, mua bán, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; các hợp đồng kinh tế; vay và huy động vốn; các hợp đồng cho vay, cho thuê;

điều động các tài sản nội bộ Tổng công ty; đầu tư ra ngoài Tổng công ty; xử lý lỗ, tồn thất trong hoạt động kinh doanh theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Hội đồng quản trị.

d) Quyết định, ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty,

đ) Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chuẩn sản phẩm, tổng quỹ lương phù hợp trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Tổ chức thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, tổng quỹ lương theo quy định của Tổng công ty.

e) Báo cáo trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Tổng công ty; tổ chức lập báo cáo tài chính trình Hội đồng quản trị.

g) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, phụ cấp đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc

h) Đề cử người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại công ty khác để Hội đồng quản trị quyết định

i) Quyết định tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; mức lương và phụ cấp chức danh quản lý, người lao động trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

k) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

l) Trình, kiến nghị Hội đồng quản trị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, quyết định của Hội đồng quản trị và Điều lệ này.

5. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 117 Luật Doanh nghiệp và Quy chế trả lương của Tổng công ty.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Là cá nhân sở hữu ít nhất 5% **số cổ phần phổ thông hoặc người khác thì phải** tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, năng lực kinh doanh và kinh nghiệm thực tế trong tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty.
3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và Điều lệ này;
4. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty khác.

Điều 40. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Người quản lý.

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quyết định, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Tổng công ty và của cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty trong thời gian tại chức.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà Người quản lý và Người có liên quan của người quản lý làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Khoản 1,2,3,4 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động khi chưa thanh toán hết nợ đến hạn phải trả.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

D- BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát Tổng công ty gồm ba thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong Ban làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban được dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải thường trú ở Việt Nam và Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao và lợi ích khác theo Điều 125 Luật Doanh nghiệp và Quy chế trả lương của Tổng công ty.

4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trước khi trình ra Đại hội đồng cổ đông.

d) Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

đ) Chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình công tác, đề cương kiểm tra, giám sát theo nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Xem xét sổ sách kế toán, tài liệu khác và các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng trở lên.

e) Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng trở lên yêu cầu, Ban kiểm soát có trách nhiệm tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính và các quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty.

h) Có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Tổng công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền của Đại hội đồng cổ đông, về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Ban kiểm soát phải có yêu cầu bằng văn bản về nội dung cung cấp hồ sơ, tài liệu. Kết quả làm việc phải lập thành biên bản;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý quy định tại Điều 40 Điều lệ này thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

j) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

k) Được sử dụng con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật.

l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Đại hội đồng cổ đông cho phép; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật nếu cố ý bỏ qua hoặc bao che những hành vi vi phạm pháp luật. Không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà sai phạm, gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm của mình hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó..

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định **Khoản 2, Điều 13** Luật Doanh nghiệp;

b) Không là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.

2. Không được giữ các chức vụ quản lý, điều hành Tổng công ty hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành Tổng công ty theo quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Chương V

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 45. Hình thức và tổ chức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Tổng công ty;
2. Tổ chức Công đoàn Tổng công ty;
3. Ban Thanh tra nhân dân;
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Điều 46. Nội dung tham gia quản lý và nghĩa vụ của người lao động.

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

- a) Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Phương án tổ chức lại Tổng công ty; đa dạng hóa sở hữu Tổng công ty;
- c) Các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
- d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Tổng công ty;
- đ) Thông qua Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Tổng công ty và tổ chức Công đoàn tại Tổng công ty, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết, quyết định các vấn đề sau đây:
 - Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng Giám đốc;

- Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

2. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể; chấp hành Nội quy lao động của Tổng công ty.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 47. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị trực thuộc

1. Các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (gọi tắt là đơn vị trực thuộc) thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức nhân sự của Tổng công ty theo quy định riêng tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị trực thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Giám đốc đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp hoặc ủy quyền.

Điều 48. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty là chủ sở hữu đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Phê duyệt điều lệ công ty khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên (đối với công ty có Hội đồng thành viên) hoặc Chủ tịch công ty (đối với công ty có cơ cấu quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty);

b) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

c) Quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; trình Đại hội đồng cổ đông quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định mô hình tổ chức, quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty hoặc thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên công ty; chấp thuận để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty;

đ) Quyết định dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác thực hiện theo quy định tại Quy chế tài chính Tổng công ty phù hợp với các quy định của pháp luật;

e) Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty; giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên theo điều lệ công ty;

g) Phê duyệt báo tài chính hàng năm và quyết định phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ của công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

h) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản công ty theo quy định của pháp luật;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 49. Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty

1. Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại hình công ty đó.

2. Công ty con tại Khoản 1 Điều này sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Tổng công ty phải có sự đồng ý của Tổng công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời gian sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.

3. Tổng công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại công ty con nêu tại Điều này theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó.

4. Công ty con nêu tại Điều này có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Tổng công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty con.

Điều 50. Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty liên kết.

1. Công ty liên kết với Tổng công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của doanh nghiệp đó.

2. Công ty liên kết sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Tổng công ty phải có sự đồng ý của Tổng công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời gian sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.

4. Công ty liên kết có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Tổng công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty liên kết.

Chương VII

ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI TỔNG CÔNG TY VÀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY KHÁC

Điều 51. Đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty

1. Tổng công ty được quyền sử dụng tài sản (bao gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản trí tuệ và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của Tổng công ty để đầu tư ra ngoài Tổng công ty. Việc đầu tư ra ngoài Tổng công ty liên quan đến đất đai tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

2. Việc đầu tư vốn vào công ty khác tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Tổng công ty, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông giao.

3. Các hình thức đầu tư ra ngoài Tổng công ty.

a) Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

b) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh đang hoạt động;

c) Mua lại công ty khác;

d) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Quản lý vốn đầu tư ở công ty khác.

Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty khác thông qua Người đại diện phần vốn (sau đây gọi tắt là Người đại diện) như sau:

1. Cử Người đại diện để trực tiếp thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh; giao nhiệm vụ cho Người đại diện tham gia ứng cử chức danh quản lý, điều hành tại các công ty khác;

2. Cử, thay thế, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, thù lao cho Người đại diện, trừ trường hợp Người đại diện đã được hưởng lương từ công ty khác;

3. Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình, kết quả kinh doanh, tình hình tài chính và các nội dung khác của công ty khác;

4. Giao nhiệm vụ, chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty ở công ty khác. Yêu cầu Người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện; xin ý kiến Tổng công ty về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty khác, nhất là việc định hướng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Tổng công ty; những vấn đề dẫn đến làm thay đổi tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Tổng công ty; dự án đầu tư, định hướng phát triển, huy động vốn, xử lý tài chính, chia lợi nhuận và các vấn đề quan trọng khác;

5. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện nhằm phát hiện thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời;

6. Quyết định việc thu hồi vốn đầu tư hoặc đầu tư tăng vốn của Tổng Công ty tại công ty khác phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và điều lệ của công ty khác;

7. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp, cổ phần của Tổng công ty ở các công ty khác;

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện.

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty khác;

2. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của công ty khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty đó. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng công ty về tình hình, kết quả kinh doanh, vấn đề tài chính của công ty khác, việc thực hiện các nhiệm vụ do Tổng công ty giao;

3. Người đại diện tham gia quản lý điều hành công ty khác có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại công ty khác đề trình Tổng công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của công ty đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn, bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức và các nội dung quan trọng khác Người đại diện phải chủ động báo cáo Tổng công ty cho ý kiến bằng văn bản, Người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo ý kiến

chỉ đạo của Tổng công ty. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty khác thì phải thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty;

4. Người đại diện ở công ty có cổ phần, vốn góp chi phối phải có trách nhiệm hướng công ty đi đúng mục tiêu, định hướng của Tổng công ty; sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết để quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, việc sửa đổi, bổ sung điều lệ, dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị lớn, tăng giảm vốn điều lệ, cơ cấu tổ chức, thay đổi chức danh quản lý và các vấn đề quan trọng khác;

5. Khi phát hiện công ty đi chệch mục tiêu, định hướng của Tổng công ty thì phải báo cáo ngay và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi đã được Tổng công ty thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng công ty đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định;

6. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về nhiệm vụ được giao. Trường hợp không thực hiện báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Người đại diện bị miễn nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Tổng công ty; trường hợp vi phạm nghiêm trọng đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì đưa ra pháp luật xử lý theo quy định hiện hành;

7. Theo dõi, thu lợi tức đầu tư của Tổng công ty; định kỳ báo cáo các chỉ tiêu để theo dõi tình hình thu lợi tức đầu tư theo yêu cầu của Tổng công ty;

8. Người đại diện là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động công ty khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại điều lệ công ty đó và do công ty đó trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện do Tổng công ty chi trả theo quy định. Nguồn phụ cấp Người đại diện được lấy từ lợi nhuận được chia từ vốn đầu tư của Tổng công ty góp vào công ty khác;

9. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành công ty khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do Tổng công ty chi trả (gồm cả tiền phụ cấp Người đại diện).

Trường hợp Người đại diện được các công ty khác trả thù lao thì Người đại diện có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho Tổng công ty.

10. Người đại diện tại công ty khác khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Tổng công ty. Tổng công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần Người đại

diện được mua (**hoặc không được mua**) theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của Tổng công ty.

Trường hợp Người đại diện được cử làm đại diện tại nhiều công ty, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại một công ty. Người đại diện có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần còn lại cho Tổng công ty.

11. Trường hợp Người đại diện không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần thì bị xem xét miễn nhiệm đại diện tại công ty đó và phải chuyển nhượng lại cho Tổng công ty số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi chênh lệch vượt quá mức được mua theo quy định trên theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp Người đại diện đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho Tổng công ty phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người đại diện.

Người đại diện tại công ty khác phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
2. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ; có uy tín đối với công ty có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty;
3. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
4. Có trình độ đại học, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của các công ty mà Tổng công ty có cổ phần, vốn góp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn đầu tư của Tổng công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong liên doanh;
5. Không là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của những người trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của công ty có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, cổ phần; không có quan hệ góp vốn thành lập công ty, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với công ty có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý, trừ trường hợp Người đại diện có sở hữu cổ phần, vốn góp ở công ty đó.

6. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc công ty khác phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó.

7. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

8. Không là đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại các Điều b, c, đ, e, g Khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 55. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Chứng nhận đăng ký **doanh nghiệp** lần đầu và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo Luật kế toán, Luật thống kê và các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán, thống kê của nhà nước.

3. Lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

4. Báo cáo tài chính của Tổng công ty bao gồm các báo cáo tài chính quý, năm; trong thời hạn 30 ngày đối với báo cáo tài chính quý và 45 ngày đối với báo cáo tài chính năm, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét trước khi trình ra Đại hội đồng cổ đông.

Điều 56. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a) Báo cáo tài chính của Tổng công ty; báo cáo tài chính hợp nhất Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con;

b) Báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và công ty con;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành Tổ hợp Công ty mẹ Tổng công ty và Công ty con;

2. Báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 57. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí, các khoản thuế, tài chính khác, tiền thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và bù đắp đủ các khoản lỗ trước đó theo quy định của pháp luật.

2. Lợi nhuận còn lại của Tổng công ty phân chia như sau:

a) Trích 05% Quỹ dự phòng tài chính cho đến khi số tiền quỹ này bằng 10% vốn Điều lệ;

b) Trích tối đa 10% Quỹ đầu tư phát triển;

c) Trích từ 05% đến 10% Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

d) Số còn lại được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận còn lại hàng năm và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định;

4. Tùy tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể ứng trước cổ tức giữa kỳ cho các cổ đông nếu xét thấy việc ứng trước này phù hợp với khả năng lợi nhuận hàng năm đạt được của Tổng công ty.

Điều 58. Xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Trong trường hợp Tổng công ty bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể xử lý theo hướng sau:

a) Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ;

b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật, đồng thời Đại hội đồng cổ đông quyết định các biện pháp để khắc phục;

2. Trong trường hợp Tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, đã sử dụng các biện pháp tài chính cần thiết nhưng vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định xử lý theo Luật Phá sản.

Chương IX

SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 59. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi cho cổ đông các báo cáo về tài chính, về tình hình hoạt động của Tổng công ty theo quy định của Điều lệ này.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng quản trị cung cấp hồ sơ, tài liệu cho cổ đông. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý của Tổng công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty, bao gồm hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty trước và sau thời điểm chuyển đổi Tổng công ty thành Tổng công ty cổ phần.

4. Người lao động trong Tổng công ty có quyền được biết các thông tin (không thuộc phạm vi bảo mật) về Tổng công ty thông qua **Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động** và các tổ chức Công đoàn Tổng công ty hoặc các hình thức khác theo quy định.

Điều 60. Công khai thông tin những người có liên quan và các giao dịch của họ với Tổng công ty.

1. Tổng công ty có trách nhiệm tập hợp, cập nhật và lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty danh sách những Người có liên quan của Tổng công ty theo quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Tổng công ty;

2. Tất cả các cổ đông, Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát có quyền xem, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên trong giờ làm việc;

3. Tổng Giám đốc là người thực hiện các quy định về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định theo Điều lệ này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.

Chương X

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 61. Tổ chức lại Tổng công ty.

1. Tổ chức lại Tổng công ty được tiến hành theo các hình thức luật định như: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Tổng công ty.
2. Việc tổ chức lại bằng các hình thức nêu trên thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Điều 62. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - d) Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục.
2. Tổng công ty chỉ giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 63. Phá sản Tổng công ty

Việc phá sản Tổng công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 64. Thanh lý Tổng công ty

1. khi kết thúc thời hạn hoạt động hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Ban Thanh lý.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty còn nợ Nhà nước;

- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc; giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc; tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến quyền giữa cổ đông với Tổng công ty; giữa cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc được giải quyết theo nguyên tắc thương lượng, hoà giải và quy định tại Điều lệ này.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ không được các bên chấp thuận thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty

Điều lệ Tổng công ty được sửa đổi trong các trường hợp:

1. Điều lệ có điều, khoản chưa rõ, dẫn đến việc thi hành không đúng theo quy định của pháp luật, thì điều, khoản đó không được thi hành và Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, sửa đổi.

2. Khi những quy định của luật pháp có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ này thì phải thực hiện theo các văn bản pháp luật đó, đồng thời Tổng công ty phải tiến hành việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ bao gồm 12 Chương và 68 Điều, được Đại hội cổ đông lần thứ nhất của Tổng công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 2012.
2. Các cá nhân, tổ chức có liên quan thuộc Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện Điều lệ này,
3. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội cổ đông thông qua;
4. Các bản sao của Điều lệ chỉ có giá trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty ký và đóng dấu;

Điều 68. Điều khoản cuối cùng

1. Các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty khi ban hành phải tuân thủ các nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty không được nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan khác điều chỉnh.

Bản Điều lệ được gửi đến:

- Các cổ đông dự Đại hội.
- 01 bản đăng ký tại Cơ quan đăng ký doanh nghiệp;
- 03 bản lưu tại trụ sở Tổng công ty (Văn thư, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát);

CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Thứ tự	Tên Cổ đông	Mã số cổ đông	Số cổ phần	Ký tên

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CỦA TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG II - CTCP

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA BÀN TRÚ ĐÓNG
A. <u>CÁC CÔNG TY CON</u>	
1. Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà	▪ Xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
2. Công ty Cổ phần Đường Bình Dương	▪ P. Phú Thọ, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
3. Công ty TNHH Một TV Kinh doanh - Dịch vụ	▪ 54 -56 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, Tp.HCM
4. Công ty TNHH Hai TV Cồn Xuân Lộc	▪ Xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
B. <u>CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT</u>	
1. Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	▪ Xã La Ngà, H. Định Quán, Tỉnh Đồng Nai
2. Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	▪ H. Đức Hòa, Tỉnh Long An
3. Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	▪ Khu CN I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội	▪ 180 Nguyễn Tất Thành, Q. 4, Tp. HCM
5. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	▪ Huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nhà Rông (Vốn cổ phần của Tổng Công ty là vốn tự huy động) C. <u>CHI NHÁNH - ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC</u> 1. Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Mía đường 2. Chi nhánh tại Nước Campuchia 3. Văn phòng đại diện tại Tp. Hà Nội	▪ 34-35 Bến Vân Đồn, Q.4, Tp.HCM ▪ 54 – 56 Lê Quốc Hưng, P 12, Q 4, Tp.HCM.
--	---

MỤC LỤC

Chương, Mục, Điều	Trang
Chương I. Các quy định chung	
Điều 1: Giải thích từ ngữ	
Điều 2. Tên gọi, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện.....	
Điều 3. Hình thức doanh nghiệp, tư cách pháp nhân	
Điều 4. Mục tiêu, phạm vi hoạt động, ngành nghề kinh doanh.....	
Điều 5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty.....	
Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.....	
Điều 7. Tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị – xã hội trong Tổng công ty.....	
Chương II. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty	
Điều 8. Quyền của Tổng công ty	
Điều 9. Nghĩa vụ của Tổng công ty	
Chương III. Vốn Điều lệ - cổ phần - cổ phiếu - cổ đông	
Điều 10. Vốn điều lệ.....	
Điều 11. Cổ phần	
Điều 12. Cổ phiếu	
Điều 13. Chào bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần	
Điều 14. Mua lại, thu hồi cổ phần	
Điều 15. Trả cổ tức	
Điều 16. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	
Điều 17. Cổ đông	

Điều 18: Quyền của cổ đông phổ thông	
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	
Chương IV.Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành và kiểm soát Tổng công ty	
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý	
A. Đại hội đồng cổ đông	
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông.....	
Điều 22. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 24. chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 26. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	
Điều 28. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
B- Hội đồng quản trị	
Điều 30. Hội đồng quản trị.....	
Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của Hội đồng quản trị	
Điều 32. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị	
Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 37. Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	
C- Tổng Giám đốc	
Điều 38. Tổng Giám đốc	
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.....	
Điều 40. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý.....	
D- Ban Kiểm soát	
Điều 41. Ban kiểm soát..	
Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	
Chương V. Người lao động trong Tổng công ty	
Điều 45. Hình thức và tổ chức tham gia quản lý của người lao động	
Điều 46. Nội dung tham gia quản lý và nghĩa vụ của người lao động	
Chương VI. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị trực thuộc, công ty khác	
Điều 47. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị trực thuộc.....	
Điều 48. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên..	
Điều 49. Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty	
Điều 50. Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty liên kết.	

Chương VII. Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty và quản lý vốn đầu tư vào công ty khác.	
Điều 51. Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty	
Điều 52. Quản lý vốn đầu tư ở công ty khác	
Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện	
Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người đại diện.....	
Chương VIII. Chế độ tài chính, kế toán, phân phối lợi nhuận và lập các quỹ.	
Điều 55. Chế độ kế toán, kiểm toán	
Điều 56. Trình báo cáo hằng năm	
Điều 57. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.....	
Điều 58. Xử lý lỗ trong kinh doanh	
Chương IX. Sổ sách và hồ sơ của Tổng công ty	
Điều 59. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Tổng công ty.....	
Điều 60. Công khai thông tin những người có liên quan và các giao dịch của họ với Tổng công ty.	
Chương X. Tổ chức lại, giải thể, phá sản, thanh lý Tổng công ty.	
Điều 61. Tổ chức lại Tổng công ty	
Điều 62. Giải thể Tổng công ty	
Điều 63. Phá sản Tổng công ty	
Điều 64. Thanh lý Tổng công ty.....	
Chương XI. Giải quyết tranh chấp nội bộ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ Tổng công ty	

Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty	
Chương XII. Điều khoản thi hành	
Điều 67. Hiệu lực thi hành	
Điều 68. Điều khoản cuối cùng.....	